

TỪ XUNG HỒ TRONG GIAO TIẾP PHẬT GIÁO

Thích Thông Huệ^a, Trương Thị Diễm^{b*}

Nhận bài:

01 – 02 – 2015

Chấp nhận đăng:

25 – 06 – 2015

<http://jshe.ued.udn.vn/>

Tóm tắt: Văn hóa Phật giáo Việt Nam là một bộ phận của văn hóa Việt Nam. Đặc trưng của văn hóa Phật giáo thể hiện rất rõ qua các mối quan hệ xưng hô trong giao tiếp. Ở bài viết này, chúng tôi tiến hành khảo sát từ xưng hô Phật giáo trên các bình diện giao tiếp sau: xưng hô trong mối quan hệ giữa hàng xuất gia với hàng xuất gia; giữa hàng xuất gia với hàng tại gia và người ngoài Phật giáo; giữa hàng tại gia với hàng tại gia. Lối từ xưng hô trong giao tiếp Phật giáo tạo nên nét đặc trưng của đạo Phật đồng thời tạo nên sự phong phú cho hệ thống từ xưng hô tiếng Việt, sự đa sắc màu cho vườn hoa văn hóa dân tộc. Nghiên cứu từ xưng hô trong giao tiếp Phật giáo là tìm hiểu vốn từ ngữ đặc biệt của văn hóa Phật giáo nói riêng và văn hóa Việt Nam nói chung.

Từ khóa: văn hóa; Phật giáo; từ xưng hô; hàng xuất gia; hàng tại gia.

1. Đặt vấn đề

Xưng hô là một hành vi ngôn ngữ được thực hiện trong giao tiếp. Xưng hô của người Việt là sự ứng xử của người Việt. Vốn từ xưng hô của người Việt hết sức phong phú và được sử dụng khá tinh tế. Mỗi từ xưng hô được lựa chọn và sử dụng trong giao tiếp sẽ bộc lộ vị thế xã hội, quan hệ, thái độ, tình cảm của những người tham gia giao tiếp. Xưng hô trong giao tiếp Phật giáo cũng vậy. Nghiên cứu vấn đề xưng hô trong giao tiếp Phật giáo dưới góc nhìn ngữ dụng học không những góp phần vào việc nghiên cứu hệ thống từ xưng hô tiếng Việt mà còn góp phần bảo tồn bản sắc văn hóa của dân tộc Việt.

2. Giải quyết vấn đề

Xưng hô là sự tiếp xúc giữa người với người, hoặc với nhóm người nhằm biểu đạt ý nghĩ của mình để cùng cảm nhận và cùng trao đổi thông tin với nhau. Xưng hô trong giao tiếp Phật giáo một mặt là ứng xử của những người theo đạo Phật, mặt khác, các hành vi xưng hô này cũng biểu hiện được cử chỉ oai nghi và cả hạnh tu khiêm hạ của họ nữa. Vì thế, hoạt động giao tiếp này cũng rất phong phú và đa dạng.

Trong xưng hô giao tiếp Phật giáo, điều đáng chú ý là ngoài việc phải quan tâm đến các yếu tố như: tuổi tác, hạ lạc, chức sắc, giới tính, tôn ti, vị trí trong xã hội; yếu tố thân sơ; yếu tố tích cực và tiêu cực... còn cần chú ý tới nguyên tắc “xưng khiêm hô tôn” để biểu thị thái độ tôn trọng không chỉ của những người vai dưới với vai trên mà ngay cả của những người bằng vai. Đây là nét đặc trưng văn hóa ứng xử trong Phật giáo và cũng là một hạnh tu khiêm hạ của Phật giáo.

Từ xưng hô trong giao tiếp Phật giáo được chúng tôi nghiên cứu trên các bình diện sau:

2.1. Xưng hô giữa hàng xuất gia với hàng xuất gia

2.1.1. Xưng hô trong quan hệ thầy - trò

Trong cuộc sống thường nhật, khi chúng ta lập gia đình và có con cái thì mối quan hệ cha mẹ và con cái được hình thành. Tương tự, “trong đạo, khi người xuất gia thọ trì 250 giới (tỳ kheo giới), trở thành vị thầy có đạo hạnh và thu nhận học trò xuất gia, truyền trao giới pháp và đạo lý cho học trò thì hình thành mối quan hệ giữa thầy và trò” [6, tr.63].

Thầy tự xưng mình là *thầy, sư phụ, bổn sư* (dành cho nam tu sĩ), *sư bà, ni sư, sư cô* (dành cho nữ tu sĩ), *tôi* và gọi trò là *con, đệ tử* hoặc gọi tên trong đạo. Học trò cũng xưng gọi theo cách: *trò - thầy, con - thầy, đệ tử - sư phụ, đệ tử - bổn sư, con - ni sư, đệ tử - sư bà...* Nét đặc biệt trong mối quan hệ này là trò luôn luôn biểu thị tình cảm và thái độ tôn trọng đối với thầy. Cách xưng gọi *tôi - ông, thầy - tôi, thầy - em* hoặc không biểu thị

^aNCS Trường Đại học Khoa học Huế

^bTrường Đại học Sư phạm, Đại học Đà Nẵng

* Liên hệ tác giả

Trương Thị Diễm

Email: diemtruong0502@gmail.com

Điện thoại: 0905203371

sắc thái thân thiện hoặc thiếu chuẩn mực nên không được tán thành trong xưng hô giao tiếp ở cửa Thiền.

Ví dụ:

- *Quảng Tuệ, hôm nay sư phụ/thầy có Phật sự đi vắng, con/đệ từ phải trông coi và nhắc nhở quý chú tu học nha.*

- *Mô Phật, bạch thầy/sư phụ, con/đệ từ không hiểu câu kinh này, xin sư phụ/thầy giải thích giúp cho con/đệ từ với ạ.*

2.1.2. Xưng hô trong mối quan hệ lớn - nhỏ tuổi đạo

“Tuổi đạo của những người xuất gia được tính từ khi lãnh thọ giới tỳ kheo (250 tỳ kheo tăng, 348 tỳ kheo ni); mỗi năm, khi 3 tháng an cư kiết hạ kết thúc, vào ngày rằm tháng 7 âm lịch, ngày Tăng tự tứ thì được tính thêm một tuổi đạo” [6, tr.65].

Trong Phật giáo, có những vị dù tuổi đạo đã cao nhưng trong xưng hô giao tiếp vẫn luôn tỏ ra khiêm nhường; từ ngữ xưng hô luôn biểu thị sắc thái thân thiện và tôn trọng. Có những cách xưng gọi như: *thầy - con* (cho vị mới thọ giới), *thầy - tôi, sư huynh - sư đệ...* nhưng đôi khi chúng ta lại thấy những vị lớn tuổi đạo vẫn sử dụng nguyên tắc “xưng khiêm hô tôn” như gọi người đối thoại theo giáo phẩm (thượng tọa, hòa thượng) hoặc gọi thầy + chức vụ (thầy trú trì, thầy thư ký, thầy giáo thọ). Và ngược lại, vị nhỏ tuổi đạo luôn biểu thị sự lễ độ và khiêm hạ trong giao tiếp với vị lớn tuổi nên tự xưng mình là *con, đệ tử, học trò, sư đệ* và gọi vị lớn tuổi đạo là *ôn, hòa thượng, thượng tọa, thầy, sư huynh, ngài* (đối với nam tu sĩ) ... hoặc gọi *sư bà, ni sư, sư cô* (đối với nữ tu sĩ). Riêng cách xưng gọi *thầy - đệ tử, sư phụ - đệ tử* do thiếu chuẩn mực vì không phân biệt rõ ranh giới thầy - trò trong giao tiếp nên ít được sử dụng (cách xưng gọi này chỉ dành cho thầy truyền giới pháp và nuôi dạy học trò mà thôi); còn cách xưng gọi *bố - con* thì không được tán thành trong Phật giáo.

Ví dụ:

- *Hôm nay đại đức thư ký/thầy không đi dự hội nghị à?*

- *Mô Phật, bạch hoà thượng, ngày mai chùa con/trò có hữu sự xin cung thỉnh hoà thượng hoan hỷ quang lâm đến chứng minh cho bốn tự chúng con.*

2.1.3. Xưng hô giữa những vị đồng tuổi đạo

Đồng tuổi đạo là những người xuất gia đồng hàng nhau, ngang vai nhau nên cũng gọi là pháp hữu hay pháp lữ.

Đối với những vị ngang hàng là sadi (thọ 10 giới) thì tự xưng là *tôi, em, đệ, sư đệ* hay tên đạo và gọi người kia là *chú, anh, sư chú, sư huynh* hay gọi tên đạo để biểu thị sắc thái thân mật và tôn trọng nhau cho dù là ngang vai.

Đối với những vị đồng tuổi đạo thuộc hàng tỳ kheo (thầy, sư cô) trở lên thì trong Phật giáo, lối xưng hô tương đối phong phú và đa dạng. Thế nhưng, điều đáng nói ở đây là vẫn luôn áp dụng nguyên tắc “xưng khiêm hô tôn” để biểu thị sắc thái lịch sự, tôn trọng nhưng không kém phần thân thiết, như tự xưng là *tôi, em, đệ, sư đệ...* và gọi người đối thoại là *thầy, huynh, sư huynh, sư anh, đại đức, thượng tọa, hòa thượng*, hoặc gọi thầy + tên chùa/ chức vụ, đại đức + tên chùa/chức vụ, thượng tọa + tên chùa/ chức vụ... Đôi khi chúng ta lại gặp một số vị gọi theo cách: *thầy - con, thầy - mình* cách gọi này thiếu chuẩn mực trong xưng hô ngang vai nên không được tán thành.

Ví dụ:

- *Hôm nay sao không thấy thầy/đại đức đi họp?*

- *Nhờ thượng tọa/sư huynh chuyển giúp cho tôi/đệ bức thư này với!*

2.2. Xưng hô giữa hàng xuất gia với hàng tại gia và người ngoài Phật giáo

Trái với hàng xuất gia, hàng tại gia là người sống đời sống thế tục, có gia đình, sự nghiệp, tự làm việc để nuôi thân nhưng có lòng tin và luôn hộ trì Tam bảo. Xưng hô giữa hàng xuất gia với hàng tại gia thể hiện qua các mối quan hệ sau:

2.2.1. Xưng hô trong quan hệ thầy - trò

Với mối quan hệ này, thầy là người chỉ dạy đạo lý, truyền trao giới pháp và đặt pháp danh cho trò; trò ở đây là những đệ tử tại gia (còn gọi là cư sĩ, đạo hữu, Phật tử) là những người thâm tín đạo Phật, hộ trì đạo pháp, lãnh thọ tam quy ngũ giới để có đời sống hướng thiện, an lạc và giải thoát.

Vì thế, thầy tự xưng là *thầy, sư phụ, thượng tọa, hòa thượng* (đối với nam tu sĩ) hay xưng *ôn, bố* theo cách gọi từ thân tộc trong tiếng Việt; *cô, sư cô, ni sư, sư bà* (đối với nữ tu sĩ) và gọi trò là *đệ tử, con, đạo hữu, Phật tử* hoặc gọi bằng cách kết hợp Phật tử/đạo hữu + pháp danh. Để biểu thị sắc thái thân mật trong tinh thần đạo vị thì cách xưng hô: *thầy/con, sư phụ/đệ tử, hòa thượng/con* ở đây biểu thị sự kính trọng vị thầy của mình trong giao tiếp. Còn cách xưng hô *bố/ con, thầy/ em* thì thiếu chuẩn mực và không được tán thành trong Phật giáo.

Đối với trò, thì trò tự xưng là *con, đệ tử* hoặc *học trò* và gọi thầy bằng *thầy, sư phụ, ôn, hòa thượng, thượng tọa* (nam tu sĩ) hay *sư cô, ni sư, sư bà* (nữ tu sĩ). Nhưng dù xưng gọi bằng gì đi nữa, trong mối quan hệ giao tiếp giữa thầy và trò, nếu muốn biểu hiện thái độ kính trọng đối với thầy thì tuyệt đối không được dùng những thán từ: *à, ời, nhé...* và những từ gọi yêu.

2.2.2. Xưng hô trong quan hệ giữa hàng xuất gia và người ngoài Phật giáo

Thông thường, hàng xuất gia khi giao tiếp với người ngoài Phật giáo thì tự xưng là *thầy, tôi, chúng tôi, nhà chùa...* và gọi người ngoài đạo của mình bằng từ thân tộc như: *chú, bác, cô, dì, anh, chị...* tùy theo độ tuổi và giới tính của họ.

Ví dụ:

- *Chào bác, lâu nay sư/ thầy không gặp, bác có khỏe không?*

Thông thường, để biểu thị sự thân thiện, không phân biệt tôn giáo, hàng xuất gia thường gọi những người tại gia hoặc người ngoài Phật giáo bằng *thí chủ, thiện nam, tín nữ...*

Ví dụ:

- *Thí chủ/ chú cho thầy/ sư xin ít nước để uống.*

Còn hàng tại gia ngoài Phật giáo tự xưng *chúng tôi, tôi, con, trò...* và gọi hàng xuất gia bằng *thầy, ôn, sư, thượng tọa, hòa thượng, ni sư, sư cô, nhà sư, nhà chùa...*

Ví dụ:

- *Nhà sư/thầy muốn hỏi nhà ai để cháu/con giúp cho ạ?*

“Với người Việt, dù xưng gọi bằng gì đi nữa thì vẫn luôn biểu thị một thái độ kính trọng đối với hàng xuất gia. Đây là nét đặc trưng văn hóa trong giao tiếp của người Việt” [6, tr.74].

2.3. Xưng hô giữa hàng tại gia với hàng tại gia

Như đã trình bày, tại gia là những người đã lập gia đình nhưng có lòng tin và luôn hộ trì Tam bảo. Vì thế, tuổi của hàng tại gia được sử dụng là tuổi đời của họ.

2.3.1. Xưng hô trong quan hệ giữa người lớn tuổi và người nhỏ tuổi

Hàng tại gia Phật tử thì không được tính tuổi đạo, nên dù có đi chùa lâu năm hay mới đi, trong xưng hô chỉ căn cứ vào tuổi đời và giới tính để xưng gọi. Người lớn tuổi đời tự xưng là *tôi, cụ, ông, bà, chú, cô, dì...* và gọi người nhỏ tuổi bằng *con, em, cháu, Phật tử, đạo hữu,* hoặc tên đạo hay tên đời nếu thân quen. Ngược lại, người nhỏ tuổi đời tự xưng là *con, em, cháu, chúng con, chúng em, hoặc em/ con + tên đạo* và gọi người lớn tuổi bằng *bác, chú, cô, dì, anh, chị...* hoặc *bác/ chú + tên đạo* cũng tùy theo độ tuổi và giới tính.

Ví dụ:

- *Chị Quảng Hạnh, em nhờ chị giúp em một tay!*

- *Mô Phật! Mấy hôm nay bác có khỏe không mà cháu không thấy bác đi chùa?*

2.3.2. Xưng hô trong quan hệ giữa những người đồng tuổi đời

Đồng tuổi đời với nhau, họ luôn tự xưng là *tôi, chúng tôi, chúng mình...* hoặc xưng tên (tên đạo, tên đời)... và gọi người đối thoại bằng *đạo hữu, tên đạo, tên đời, anh, chị* (tôn xưng), từ thân tộc.

Ví dụ:

- *Chiều nay ở chùa mình có buổi thuyết pháp, chị em mình đi nghe nhé!*

- *Bác Quảng Từ, chiều nay chờ Diệu Hạnh đi tụng kinh với nha!*

Dù là đồng hàng nhưng hàng Phật tử tại gia vẫn luôn tỏ thái độ tôn trọng và khiêm nhường trong hô gọi.

2.3.3. Xưng hô trong quan hệ giữa huynh trưởng và đoàn sinh

“*Gia đình Phật tử là một trong những tổ chức của giáo hội Phật giáo; mối quan hệ trong gia đình Phật tử là mối quan hệ giữa huynh trưởng và đoàn sinh*” [6, tr.76]; huynh trưởng thì tự xưng là *anh/chị* hoặc *anh/chị + tên đạo*, và gọi đoàn sinh là *em/các em* hoặc *em + tên đạo*. Cách xưng hô phải luôn biểu thị sắc thái thân thiện, thương yêu, quan tâm nhau trong tình yêu thương của màu lam, và chính cách xưng hô này đã thể hiện được tinh thần cùng nhau chia sẻ, cùng nhau tu học để tất cả mọi người đều có một cuộc sống hướng thiện, an lạc và giải thoát.

Ví dụ:

- *Hôm nay anh dạy cho các em về ý nghĩa hoa sen.*

- *Em Quảng Hiếu trình bày cho anh về ý nghĩa quy y!*

Cho dù đoàn sinh có lớn tuổi hơn thì huynh trưởng cũng gọi họ bằng *em*. Đây là biểu hiện rõ nét tính tôn ti trong cộng đồng, là nét đặc trưng văn hóa trong xưng hô giao tiếp Phật giáo.

3. Kết luận

Từ xưng hô Phật giáo xét trên phương diện hoạt động giao tiếp rất phong phú, đa dạng và được sử dụng khá linh hoạt. Nghiên cứu của chúng tôi cho thấy: từ xưng hô trong Phật giáo không chỉ là nét đặc trưng văn hóa trong giao tiếp Phật giáo mà còn là nét đặc trưng văn hóa của dân tộc Việt, bởi Phật pháp không rời xa thế gian mà lại hòa quyện vào thế gian, vào đời sống dân tộc. Cùng ý nghĩa này, lớp từ xưng hô trong giao tiếp Phật giáo đã mượn một số danh từ thân tộc và đại từ trong tiếng Việt để làm phương tiện xưng hô. Vì thế, nghiên cứu từ xưng hô trong hoạt động giao tiếp Phật giáo cũng là góp phần vào việc bảo tồn và phát huy vốn từ xưng hô tiếng Việt. Đây là vấn đề rất lý thú cho

những ai quan tâm nghiên cứu lớp từ xưng hô Phật giáo và hoạt động giao tiếp này.

Tài liệu tham khảo

- [1] Đỗ Hữu Châu, Bùi Minh Toán (1993), Đại cương Ngôn ngữ học, tập 1, 2, Nxb Giáo dục, Hà Nội.
- [2] Trương Thị Diễm (2003), Từ xưng hô có nguồn gốc danh từ thân tộc trong giao tiếp tiếng Việt, Luận án Tiến sĩ, Đại học Vinh.
- [3] Trương Thị Diễm – Thích Thông Huệ (2011), Ngữ nghĩa của danh xưng trong hàng xuất gia Phật giáo, Tạp chí Khoa học và giáo dục, ĐHSP - ĐHQĐN.
- [4] Trương Thị Diễm – Thích Thông Huệ (2011), Góp thêm cách hiểu về biệt ngữ Phật giáo, Hội thảo Ngôn ngữ học toàn quốc.
- [5] Nguyễn Văn Khang (1999), Ngôn ngữ học xã hội những vấn đề cơ bản, Nxb Khoa học xã hội, Hà Nội.
- [6] Võ Minh Phát (2011), Từ xưng hô trong Phật giáo, Luận văn Thạc sĩ, ĐHKH Huế.
- [7] Ferdinand de Saussure (1973), Giáo trình ngôn ngữ học đại cương, Nxb Khoa học Xã hội, Hà Nội.

ADDRESS TERMS IN BUDDHIST COMMUNICATION

Abstract: Buddhist culture is part of the Vietnamese culture. The characteristics of Buddhist culture is clearly demonstrated through addressing forms in communication. This paper presents an investigation into Buddhist address forms in the following respects: among Buddhist monks; among Buddhist monks, Buddhists and people whose religion are not Buddhist; between Buddhists. Address terms in Buddhist communication have created the multi-color garden of Vietnamese address terms, vocabularies and culture. Research into address forms in the Buddhist community is to gain insight into the jargons of Buddhist culture in particular and Vietnamese culture in general.

Key words: Culture; Buddhism; address term; Buddhist monks; Buddhists.